BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3686 /QĐ-BNN-TC	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Dự án thành phần Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-BNN-HTQT ngày 18/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) dự án "Cải thiện nông nghiệp có tưới" do WB tài trợ; Quyết định số 4419/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2409/QĐ-BNN-HTQT ngày 18/10/2013;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 5352-VN ký ngày 24/4/2014 giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) cho dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 27/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc gia hạn thời gian thực hiện và điều chỉnh cơ cấu vốn đối ứng dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới vay vốn Ngân hàng thế giới;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-BNN-XD ngày 07/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 2896/QĐ-BNN-XD ngày 09/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án thành phần Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 3917/QĐ-BNN-XD ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BNN-XD ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình dự án thành phần Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Quyết định số 4203/QĐ-BNN-TC ngày 01/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành chi phí chung dự án Cải thiện Nông nghiệp có tưới (WB7);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 326/TTr-SNN&PTNT ngày 13/9/2024 về việc đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án thành phần Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7); Biên bản thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành ngày 18/10/2024; Báo cáo thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành ngày 28/10/2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Tên dự án	:	Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7)
Dự án thành phần	:	Nâng cấp hệ thống kênh trạm bơm Nam sông Mã, tỉnh Thanh Hóa

Chủ đầu tư : Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa

Địa điểm xây dựng : Tỉnh Thanh Hóa

Thời gian khởi công, hoàn thành thực tế : 2014 - 2022

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Chi phí đầu tư.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Tổng mức đầu tư	Giá trị thẩm tra quyết toán
1	2	3	4
	Tổng cộng	**762.709.982.000**	**669.302.040.918**
A	**Phần công việc Sở NN và PTNT Thanh Hóa TH**	**736.261.966.000**	**646.052.216.754**
1	Hợp phần 1	8.626.965.000	6.921.182.285
2	Hợp phần 2	679.865.646.000	595.477.170.788
3	Hợp phần 3	46.052.785.000	41.937.293.681
4	Hợp phần 4	1.716.570.000	1.716.570.000
B	**Phần công việc CPO Thủy lợi thực hiện**	**26.448.016.000**	**23.249.824.164**
1	Chi phí GĐ chuẩn bị đầu tư	1.954.948.190	1.954.948.190
2	Hợp phần 1	3.717.631.000	2.226.052.491
3	Hợp phần 3	2.195.301.000	914.454.967
4	Hợp phần 4	18.580.135.810	18.154.368.516

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Vốn đầu tư.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
1	2	3	4	5	6=4-5	7
	Tổng số	**762.709.982.000**	**669.302.040.918**	**669.248.192.918**	**53.848.000**	**0**
I	**Phần CV Sở NN và PTNT Thanh Hóa TH**	**736.261.966.000**	**646.052.216.754**	**645.998.368.754**	**53.848.000**	
1	Nguồn vốn ngoài nước (WB)	596.180.480.000	583.406.376.915	583.406.376.915		
2	Nguồn vốn NSTW	48.939.486.000	47.234.931.229	47.234.931.229		
3	Nguồn vốn NSĐP	91.142.000.000	15.410.908.610	15.357.060.610	53.848.000	
II	**Phần CV CPO Thủy lợi thực hiện**	**26.448.016.000**	**23.249.824.164**	**23.249.824.164**		

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân	Số vốn phải thu hồi
1	2	3	4	5	6=4-5	7
1	Nguồn vốn ngoài nước (WB)	19.802.632.258	16.604.440.422	16.604.440.422		
2	Nguồn vốn NSTW	6.645.383.742	6.645.383.742	6.645.383.742		

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số			**634.281.613.569**	**706.257.268.846**
1. Tài sản dài hạn			631.676.723.569	703.263.882.984
2. Tài sản ngắn hạn			2.604.890.000	2.993.385.862

(Chi tiết tại phụ lục II, III kèm theo)

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: **35.020.427.349 đồng** là chi phí đào tạo, hội thảo, tập huấn; hỗ trợ vật tư, phân bón cho nông dân thực hiện các mô hình thực hành nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu (CSA).

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các bên liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số	**669.302.040.918**	
1. Nguồn vốn ngoài nước (WB)	600.010.817.337	
2. Nguồn vốn ngân sách trung ương	53.880.314.971	
3. Nguồn vốn ngân sách địa phương	15.410.908.610	

1.2. Các khoản công nợ:

- Tổng nợ phải thu: không;

- Tổng nợ phải trả: Căn cứ giá trị quyết toán được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa bố trí kế hoạch vốn để thanh toán tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa với số tiền 53.848.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

UBND tỉnh Thanh Hóa tiếp nhận tài sản với giá trị là 706.257.268.846 đồng để bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng tài sản theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn Phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa, Trưởng Ban Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Hiệp